

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU,
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU (Tháng 9 và 9 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu

- *Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu*

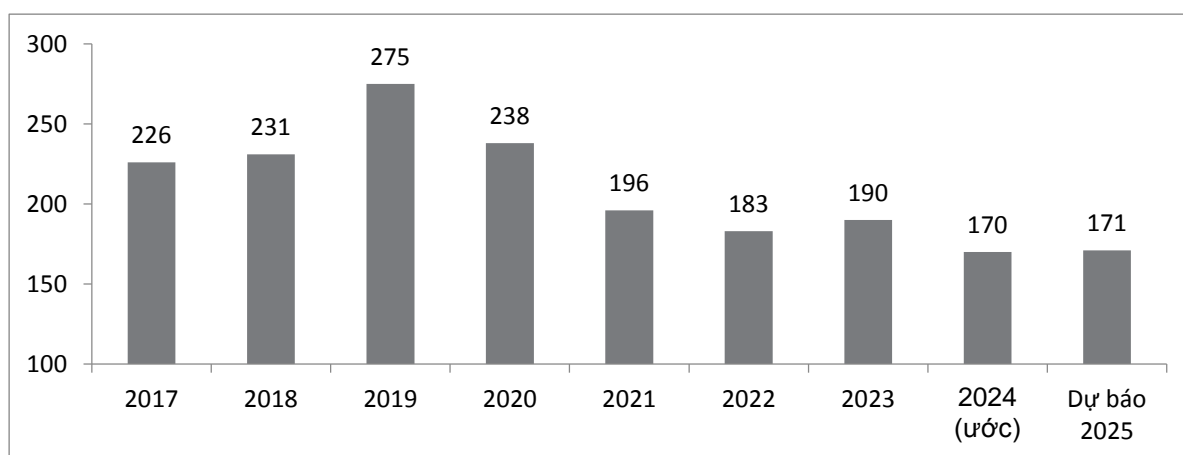
Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu El Nino từ cuối năm 2023 và đầu năm 2024 với thời tiết nắng nóng, khô hạn nghiêm trọng đã tiếp tục tác động tiêu cực đến việc canh tác sản xuất và duy trì vườn tiêu của người nông dân. Ngay sau thời điểm vụ thu hoạch 2024 một đợt nắng hạn kéo dài gần 100 ngày đã làm nhiều vườn tiêu già cỗi tiếp tục bị suy thoái thêm. Tiếp theo, những cơn mưa nặng hạt vào tuần thứ 3 của tháng 5/2024 tại các tỉnh Bình Phước và Đắk Nông đã giúp giải hạn cho các vườn tiêu sau nhiều ngày bị nắng hạn. Tuy nhiên, lượng mưa quá lớn đã khiến cho một số vườn tiêu bị ngập úng, nguy cơ bị nhiễm bệnh và chết nhanh. Tình trạng mưa nhiều cũng diễn ra vào giữa tháng 7 đến nay tại Đắk Lắk và Bình Phước làm cho các vườn tiêu dễ rụng trái, thiếu dinh dưỡng, bị vàng lá, ngập úng, nhiễm sâu bệnh hại...

Trong bối cảnh giá sầu riêng và cà phê đang ở mức cao, diễn biến trên khiến người nông dân chưa mạnh dạn tái canh cây tiêu nhiều. Ngoài ra, giá cây giống hồ tiêu tại một số tỉnh cũng tăng mạnh do nguồn cung cấp giống cũng hạn chế cũng khiến việc tái canh cây tiêu.

Khảo sát mới đây của Hiệp hội hồ tiêu Việt Nam (VPSA) tại 3 tỉnh Tây Nguyên cho thấy việc duy trì và sản xuất hồ tiêu của người nông dân ngày càng bị cạnh tranh bởi cây sầu riêng và cà phê. Diện tích trồng mới có ghi nhận nhưng không nhiều, chủ yếu trồng xen hồ tiêu với cà phê với tỷ lệ 6 - 2. Do đó, VPSA cho rằng sản lượng năm 2025 có thể tương đương hoặc tăng nhẹ so với năm 2024, tức chỉ đạt khoảng 170 – 172 nghìn tấn.

Để giảm tỷ lệ rụng trái non ở cây hồ tiêu, trái lớn đồng đều, cây phát triển toàn diện, người dân cần chú ý tạo hệ thống rãnh thoát nước tốt và tránh làm tổn thương bộ rễ.

Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

2. Tình hình nhập khẩu

Thống kê bộ sơ bộ của VPSA, Việt Nam đã nhập khẩu 1.855 tấn hồ tiêu trong tháng 7/2024, trong đó tiêu đen đạt 1.086 tấn, tiêu trắng đạt 769 tấn, giảm 4,9% so với tháng trước. Tính chung 7 tháng năm 2024 Việt Nam đã nhập khẩu tổng cộng 19.857 tấn hồ tiêu các loại, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 80,3 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2023 lượng nhập khẩu tăng 14,9%. Trong đó, tiêu đen đạt 17.443 tấn, tiêu trắng là 2.414 tấn.

Các doanh nghiệp nhập khẩu nhiều hồ tiêu trong 7 tháng đầu năm 2024 gồm Olam Việt Nam, Trân Châu và KSS Việt Nam, đạt lần lượt 7.317 tấn, 2.087 tấn và 1.025 tấn.

Hồ tiêu nhập khẩu về Việt Nam chủ yếu từ Brazil, Campuchia và Indonesia, với khối lượng trong 7 tháng năm 2024 đạt lần lượt là 7.322 tấn, 6.485 tấn và 4.211 tấn. So với cùng kỳ năm ngoái, lượng nhập khẩu từ Brazil giảm 32,3%, trong khi từ Campuchia và Indonesia tăng mạnh 121,5% và 103%.

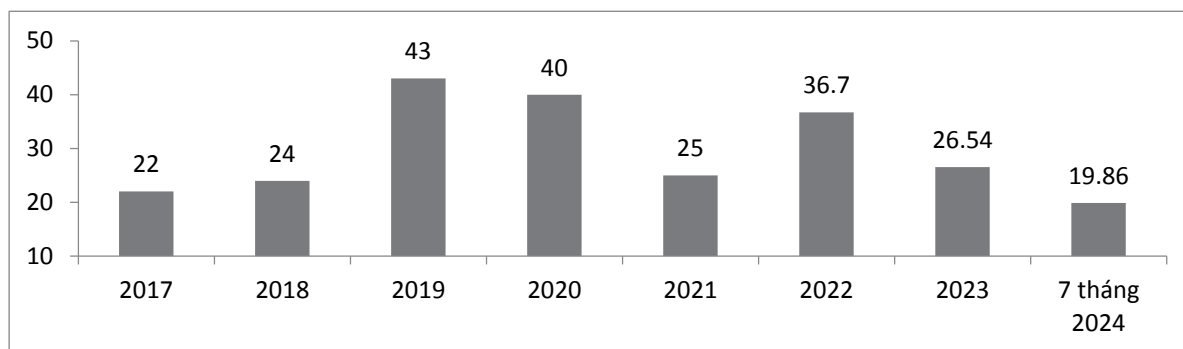
Dự báo khối lượng tiêu nhập khẩu của Việt Nam từ Brazil trong 3 tháng cuối năm 2024 có thể sẽ gia tăng khi nước này vào chính vụ thu hoạch. Tuy nhiên, với việc sản lượng năm 2024 của Brazil được dự báo giảm khá mạnh (với mức giảm trên 20% so với năm 2023) cộng với việc nước này đang xây thêm 2 nhà máy hồ tiêu tiết trùng dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2025 (nâng tổng số lên 5 nhà máy), trong tương lai hồ tiêu Brazil sẽ cạnh tranh tốt hơn, do đó nguồn cung nhập khẩu từ Brazil về Việt Nam sẽ ít hơn. Cho nên các doanh nghiệp Việt Nam cần phải chủ động nguồn nguyên liệu.

Bảng 1. Thị trường cung cấp hồ tiêu cho Việt Nam

Thị trường	Năm 2023 (tấn)	Năm 2023 so năm 2022 (%)	Tháng 7/2024 (tấn)	Tháng 7/2024 so với tháng trước (%)	7 tháng năm 2024 (tấn)	7 tháng 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	26.538	-27,7	4.281	-4,9	19.857	14,9
Brazil	16.598	31,6	81	-40,0	7.322	-32,4
Campuchia	3.763	-71,7	273	-49,2	6.485	121,5
Indonesia	3.237	-43,8	1.220	29,0	4.211	100,3
Việt Nam	782	-37,6	7	-92,6	471	16,0
Malaysia	561	-53,1	87	190,0	255	-20,3
Mỹ	231	59,3			88	109,5
Trung Quốc	168	-57,3	11	-72,5	252	180,0
Singapore	95	-50,3	99	90,4	368	736,4

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

Biểu đồ 2. Nhập khẩu khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và nửa đầu năm 2024 (nghìn tấn)



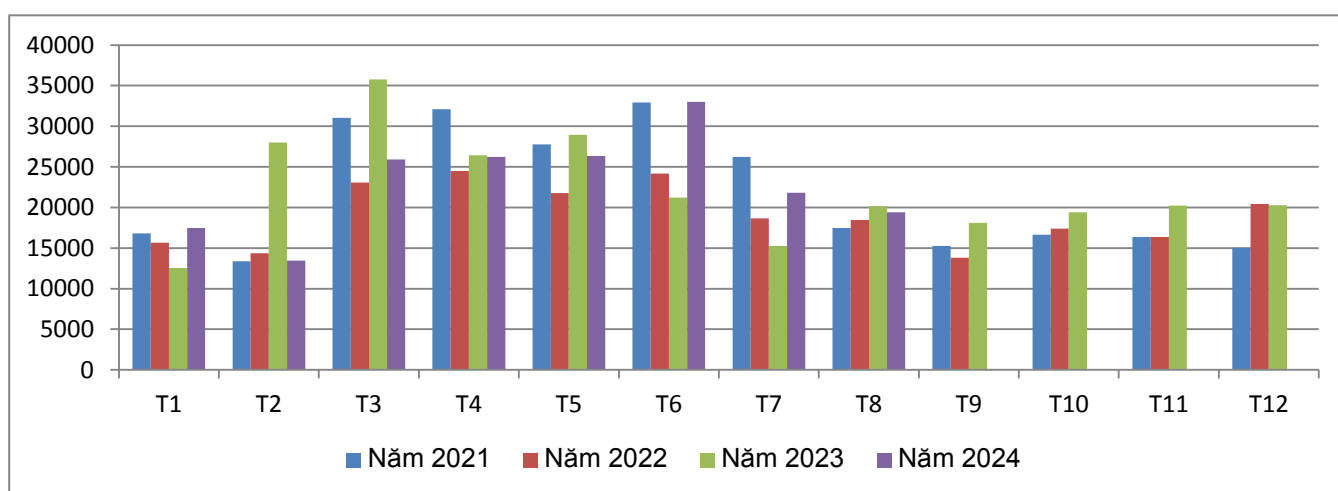
Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 8/2024 Việt Nam xuất khẩu được 19.399 tấn hồ tiêu các loại. Trong đó, tiêu đen đạt 17.391 tấn, tiêu trắng đạt 2.008 tấn. Kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu tháng 8/2024 đạt 117,0 triệu USD, trong đó, tiêu đen đạt 102,0 triệu USD, tiêu trắng đạt 15,0 triệu USD, so với tháng trước, lượng xuất khẩu giảm 10,9%, kim ngạch giảm 9,9% và so với tháng 8/2023 lượng xuất khẩu giảm 1,1% nhưng kim ngạch tăng 59,4%. Trong tháng 8/2024, giá xuất khẩu bình quân tiêu đen đạt 5.891 USD/tấn, tăng 30 USD/tấn so với tháng 7 trước đó; giá xuất khẩu bình quân tiêu trắng đạt 7.462 USD/tấn, giảm 96 USD/tấn.

Tính chung 8 tháng năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu được 183.756 tấn hồ tiêu các loại, trong đó, tiêu đen đạt 162.721 tấn, tiêu trắng đạt 21.035 tấn. Tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu 8 tháng năm 2024 đạt 881,2 triệu USD (tiêu đen đạt 754,1 triệu USD, tiêu trắng đạt 127,1 triệu USD). So với cùng kỳ năm ngoái lượng xuất khẩu giảm 2,1% tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu lại tăng đến 43,0%.

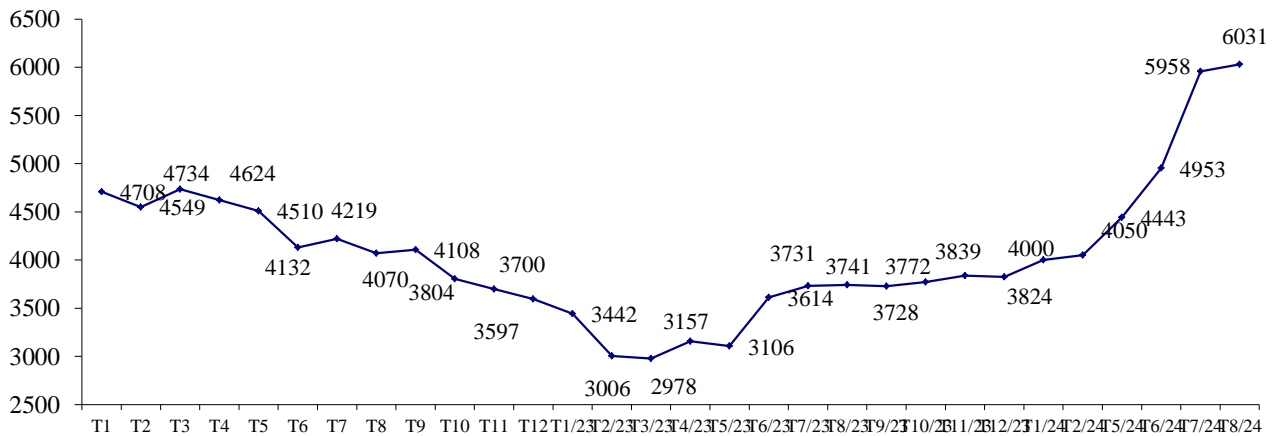
Biểu đồ 3. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay (ĐVT: tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

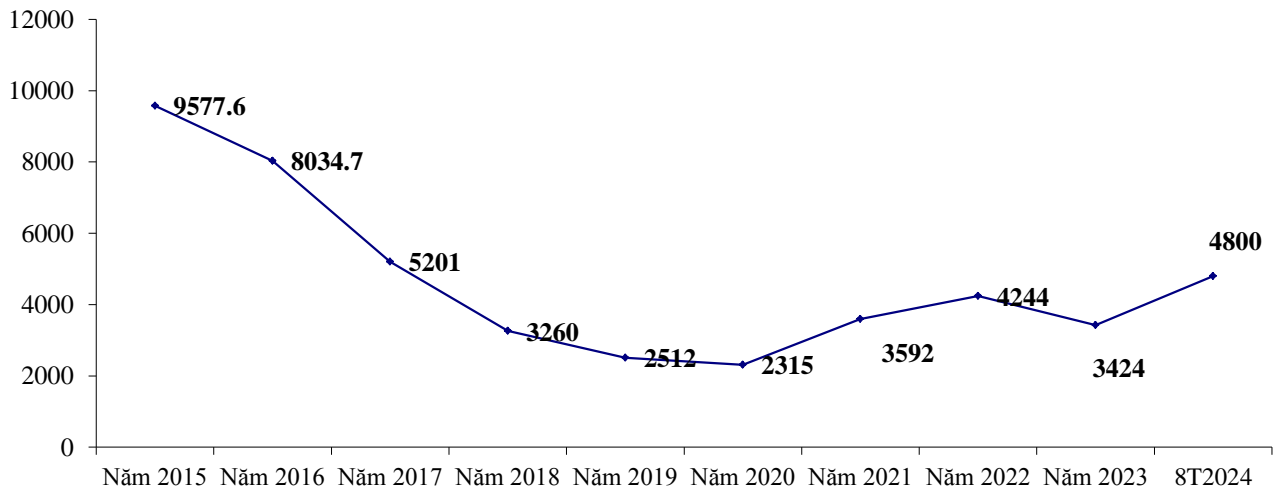
Giá tiêu xuất khẩu bình quân của Việt Nam trong tháng 8 vừa qua đạt 6.031 USD/tấn, tăng 1,22% so với tháng trước và tăng 61,2% so với cùng kỳ năm 203. Bình quân 8 tháng năm 2024, giá tiêu xuất khẩu đạt 4.800 USD/tấn, tăng 46,68% so với cùng kỳ năm 2023. Cùng với cà phê thì hồ tiêu là một trong những mặt hàng nông sản có giá xuất khẩu tăng mạnh nhất kể từ đầu năm đến nay.

Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

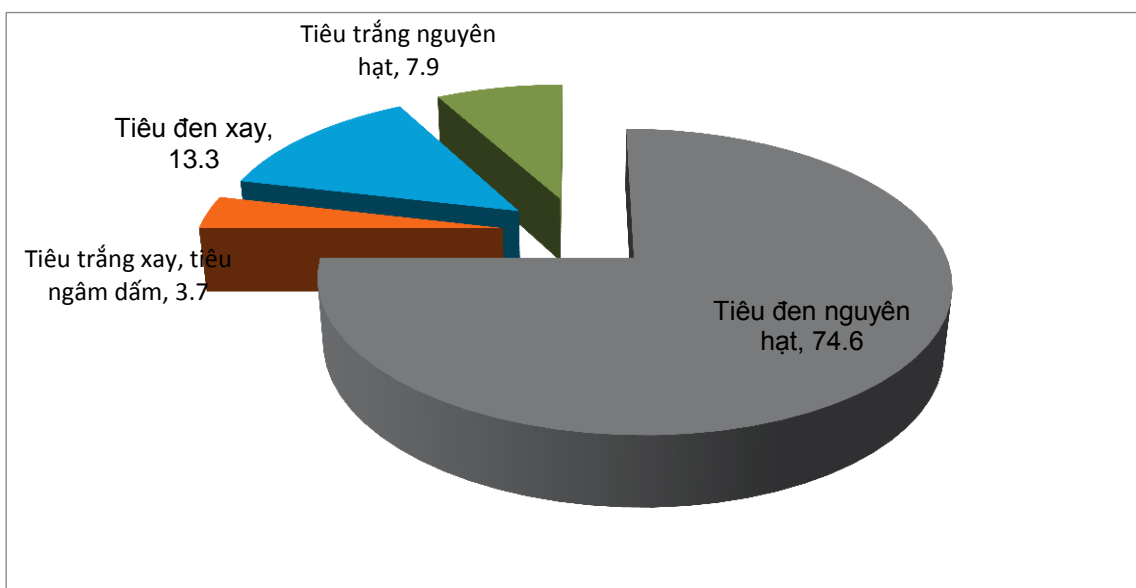
Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 8 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Về chủng loại, tiêu đen nguyên hạt vẫn chiếm phần lớn trong tổng khối lượng hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam 8 tháng năm 2024, với tỷ trọng lên đến 74,6%. Tiếp đến là tiêu đen xay chiếm 13,3%; tiêu trắng nguyên hạt chiếm 7,9%; còn lại 3,7% là tiêu trắng xay và tỷ trọng nhỏ 0,7% là tiêu ngâm giấm, mộc, đầu đình, xanh, hồng...

Biểu đồ 6. Tỷ trọng chủng loại hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong 8 tháng năm 2024 (%)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Về thị trường

Trong tháng 8/2024 xuất khẩu tiêu sang thị trường Mỹ tăng rất mạnh, tăng 45,1% so với tháng trước và tăng 90,6% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 8.570 tấn, chiếm tới 44,1% tổng khối lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng 8/2024. Tính chung 8 tháng năm 2024, xuất khẩu tiêu sang thị trường Mỹ đạt 51,8 nghìn tấn, tăng 53% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 28,3%.

Đứng thứ hai là xuất khẩu sang thị trường Đức với khối lượng đạt 1,08 nghìn tấn, tuy giảm 24,4% so với tháng trước nhưng so với tháng 8/2023 vẫn tăng mạnh, tăng 74,2%. Tính tổng 8 tháng năm 2024 xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Đức đạt 12.133 tấn, tăng 97,5% so với cùng kỳ năm 2023.

Riêng thị trường Trung Quốc, theo số liệu của VPSA, xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2024 chỉ đạt 8.059 tấn, trị giá 21,9 triệu USD, giảm mạnh 84,6% về lượng và 80,8% về trị giá so với mức 52.327 tấn và 114,43 triệu USD của cùng kỳ năm ngoái. Kết quả này khiến Trung Quốc từ vị trí số 1 xuống vị trí thứ 5 trong danh sách các nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam. Đồng thời, thị phần của Trung Quốc trong tổng xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam cũng thu hẹp xuống còn 4,9% so với mức 31,2% của cùng kỳ năm trước. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc thấp hơn dự báo, nhu cầu chi tiêu của người dân thắt chặt và lượng hàng tồn vẫn còn đủ dùng là một trong các yếu tố khiến Trung Quốc tiếp tục hạn chế thu mua hạt tiêu từ Việt Nam. Ngoài ra, giá tiêu tại thị trường nội địa Trung Quốc thấp hơn giá tại Việt Nam cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm kể trên.

Bảng 2. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 8 và 8 tháng năm 2024

Tên thị trường	Lượng XK tháng 8/2024			Lượng XK 8 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2023 (%)	Lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	19.420	-10,9	-3,14	182.930	-2,7
EU	2.726	-30,5	19,2	29.714	53,9
Hoa Kỳ	8.570	45,1	90,61	51.802	53,5
Đức	1.080	-24,4	74,19	12.133	97,5
Các tiêu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	857	-65,8	-30,55	11.779	30,5
Hàn Quốc	706	37,9	4,9	5.259	56,2
Nga	615	27,6	9,04	4.668	32,6
Anh	608	9,8	36,63	4.129	17,5
Hà Lan	545	-40,4	-22,25	7.454	33,9
Philippines	537	23,7	-31,07	5.806	5,7
Canada	521	56,0	175,66	2.944	45,2
Tây Ban Nha	385	46,4	60,42	2.586	41,9
Ấn Độ	342	-40,0	-81,8	9.012	11,8
Nam Phi	314	33,6	-5,14	1.856	14,9
Nhật Bản	311	-11,9	52,45	2.683	6,6
Ba Lan	304	47,6	22,58	1.926	-0,3
Thái Lan	282	-48,1	-27,69	3.928	10,3
Pakistan	215	-37,5	-66,35	4.877	62,3
Pháp	211	-77,5	-22,43	3.603	32,8
Australia	206	-43,7	-5,07	1.638	19,7
Malaysia	178	-13,2	24,48	1.397	10,8
Ả Rập Xê Út	169	-44,8	-42,12	2.441	8,0
Kyrgyzstan	124	57,0	72,22	540	17,1
Italy	101	26,3	-12,93	1.308	81,7
Bỉ	100	9,9	11,11	704	70,1
Senegal	83	-68,2		1.890	6,1
Ai Cập	72	-83,6	-89,12	4.378	34,1
Thổ Nhĩ Kỳ	55	-88,5	-85,14	3.553	8,5
Ukraine	28		-56,92	143	-29,2
Singapore	28	-47,2	-33,33	378	9,9
Algeria	27			411	-53,5
Kuwait	24	-57,1	-61,9	401	1,3
Myanmar				14	-93,7

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Giá tiêu xuất khẩu bình quân của Việt Nam trong tháng 8/2024 đạt 6.031 USD/tấn, tăng 1,22% so với tháng trước và tăng 61,2% so với cùng kỳ năm 203. Bình quân 8 tháng năm 2024, giá tiêu xuất khẩu đạt 4.800 USD/tấn, tăng 46,68% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong tháng 8/2024, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường Ả rập Xê út đạt cao nhất, với 7.074 USD/tấn, tăng 5,04% so với tháng trước và tăng 94,07% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là Ấn Độ, đạt 6.945 USD/tấn, tăng nhẹ 0,71% so với tháng trước và tăng 73% so với tháng 8/2023.

Đáng lưu giá tiêu xuất khẩu bình quân sang thị trường Singapore trong tháng 8/2024 giảm 15,03% so với tháng trước, xuống còn 6.803 USD/tấn. Còn giá xuất khẩu bình quân sang thị trường Mỹ (thị trường xuất khẩu lớn nhất) đạt 6.145 USD/tấn, tăng 5,06% so với tháng trước và tăng 54,6% so với tháng 8/2023.

Bảng 3. Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 8 và 8 tháng năm 2024

Tên thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 8/2024			Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2024	
	Giá (USD/tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2023 (%)	Giá (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng:	6.012	0,9	61,1	4.800	46,68
Ả Rập Xê Út	7.074	5,04	94,07	4.806	43,45
Ấn Độ	6.945	0,71	73,06	4.546	30,26
Kuwait	6.875	10,99	77,57	5.267	54,86
Singapore	6.803	-15,03	73,11	5.743	40,07
Australia	6.648	34,22	47,98	5.130	17,58
Ba Lan	6.564	19,97	70,1	4.934	38,86
Ukraine	6.500		84,61	5.596	64,62
Pháp	6.493	0,65	81,46	4.908	29,42
Nga	6.433	3,98	73,96	4.854	43,08
Algeria	6.400			3.715	22,37
Hàn Quốc	6.374	-11,87	63,07	5.325	33,53
Canada	6.334	-7,42	57,59	5.224	34,52
Tây Ban Nha	6.253	-5,99	50,41	5.228	32,62
Hà Lan	6.182	2,44	39,07	5.325	21,17
Hoa Kỳ	6.145	5,06	54,36	4.986	24,35
Italy	6.132	18,96	48,59	4.652	22,93
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	6.042	-4,87	70,89	5.155	53,41
Thái Lan	6.007	-14,3	44,95	5.798	33,18
Đức	5.964	-6,39	39,04	5.249	27,51
Malaysia	5.896	-4,37	52,95	5.130	33,03

Tên thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 8/2024			Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2024	
	Giá (USD/tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 8/2023 (%)	Giá (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Anh	5.727	5,92	35,84	4.899	14,51
Nam Phi	5.470	32,76	67,15	4.224	24,24
Kyrgyzstan	5.452	2,29	117,18	4.378	66,4
Senegal	5.281	-7,8		4.362	40,97
Philippines	5.126	-0,11	62,85	3.932	31,37
Thổ Nhĩ Kỳ	5.047	1,51	61	4.228	37,69
Bỉ	4.559	-29,77	4,12	5.001	6,85
Nhật Bản	4.548	3,36	10,04	4.032	26,99
Pakistan	4.101	-32,93	15,97	4.248	36,12
Ai Cập	3.813	-43,29	25,09	4.650	50,99
Myanmar				3.850	21,98

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Số liệu của VPSA cho thấy, các doanh nghiệp trong VPSA đã xuất khẩu 141.804 tấn hồ tiêu trong 7 tháng đầu năm, tăng 37,9% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 86,3% tổng xuất khẩu hồ tiêu của cả nước.

Ngược lại, xuất khẩu của các doanh nghiệp ngoài VPSA chỉ đạt 22.553 tấn, giảm mạnh 65,5% và chiếm 13,7% tỷ trọng. Các doanh nghiệp xuất khẩu hồ tiêu hàng đầu bao gồm: Olam Việt Nam: 15.967 tấn, tăng 56,3%; Phúc Sinh: 13.780 tấn, tăng 50,9%; Nedspice Việt Nam: 12.235 tấn, tăng 14,5%; Haprosimex JSC: 11.841 tấn, tăng 68,3% và Trân Châu: 10.039 tấn, giảm 9,3%...

Một số doanh nghiệp có lượng xuất khẩu ấn tượng như Simexco Đắk Lắk: 8.229 tấn, tăng 227,1%; Sinh Lộc Phát tăng 144,5%; Ottogi Việt Nam tăng 138,2%; Imtex Việt Nam tăng 136,5%; Hanfimex tăng 121,3%; Intimex Group tăng 115,2%...

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Sau giai đoạn điều chỉnh giảm (từ giữa tháng 6 đến đầu tháng 8), từ giữa tháng 8/2024 giá tiêu đã tăng đáng kể trở lại. Tính đến cuối tháng 9/2024 giá tiêu thu mua trong nước dao động từ 152.000-155.000 đồng/kg, tăng trên 10% so với đầu tháng 8/2024. Mức tăng của giá thu mua trong nước cũng tương đương với mức tăng của giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam.

Giá tiêu trên thị trường thế giới tăng trở lại, ở trong nước nguồn cung đã cạn và giảm mạnh so với cùng kỳ nhiều năm trước là những yếu tố giúp giá tiêu thu mua trong nước tăng trở lại.

Tháng 9/2024 giá hạt tiêu trên thị trường thế giới tăng trở lại sau khi điều chỉnh giảm trong gần hai tháng (từ cuối tháng 6 đến cuối tháng 8/2024). Lo ngại nguồn cung thiếu hụt lớn cùng với nhu cầu gia tăng dự trữ của nhà nhập khẩu là nguyên nhân kéo giá tiêu tăng trở lại.

Đến giữa tháng 9/2024 giá tiêu các loại giao dịch trên thị trường quốc tế như sau:

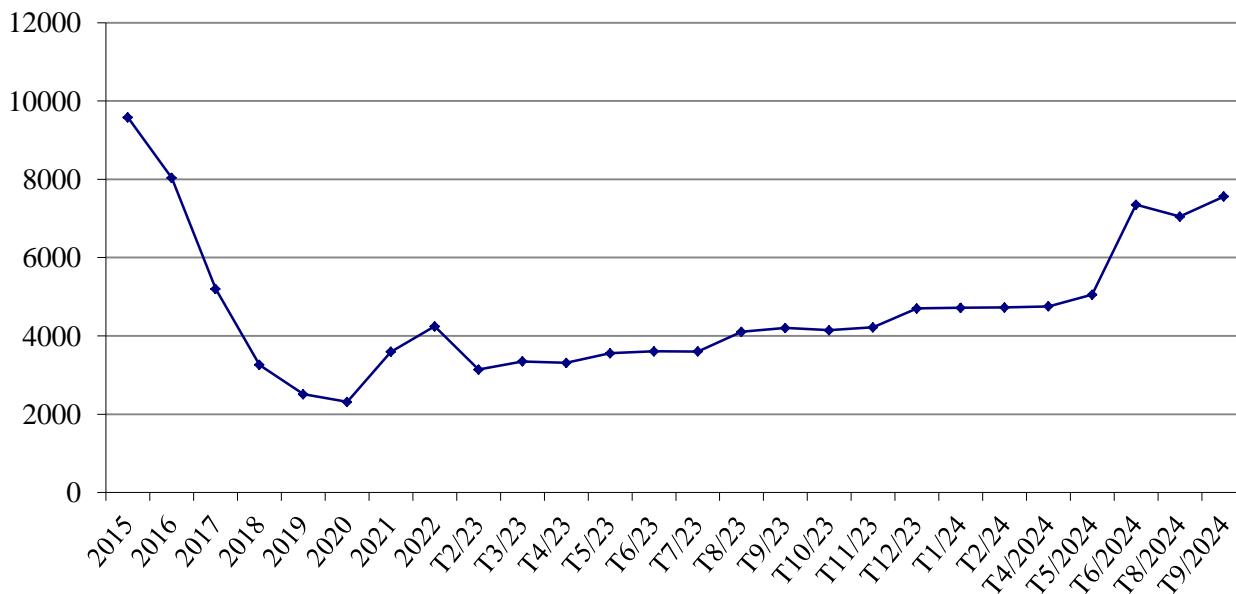
Giá tiêu đen Lampung của Indonesia giữ ổn định ở mức 7.560 USD/tấn; tương tự, giá tiêu trắng Muntok cũng giữ ổn định ở mức 9.120 USD/tấn, tăng khoảng 7% so với giữa tháng 8/2024.

Riêng giá tiêu đen ASTA 570 của Brazil giảm nhẹ, xuống còn 7.000 USD/tấn – 7.250 USD/tấn, giảm khoảng 2% do nguồn cung tăng khi nước này đang vào chính vụ thu hoạch tiêu.

Tại Malaysia giá tiêu đen ASTA của Malaysia quanh mốc 8.800 USD/tấn; giá tiêu trắng xấp xỉ 11.000 USD/tấn, tăng khoảng 5% so với tháng 8/2024.

Đặc biệt giá tiêu của Việt Nam tăng khá mạnh trở lại, với mức tăng xấp xỉ 10% so với tháng trước. Cụ thể giá tiêu đen của Việt Nam loại 500 gr/l đạt 6.800 USD/tấn; loại 550 gr/l đạt 7.100 USD/tấn; giá tiêu trắng của Việt Nam là 10.150 USD/tấn.

Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn)

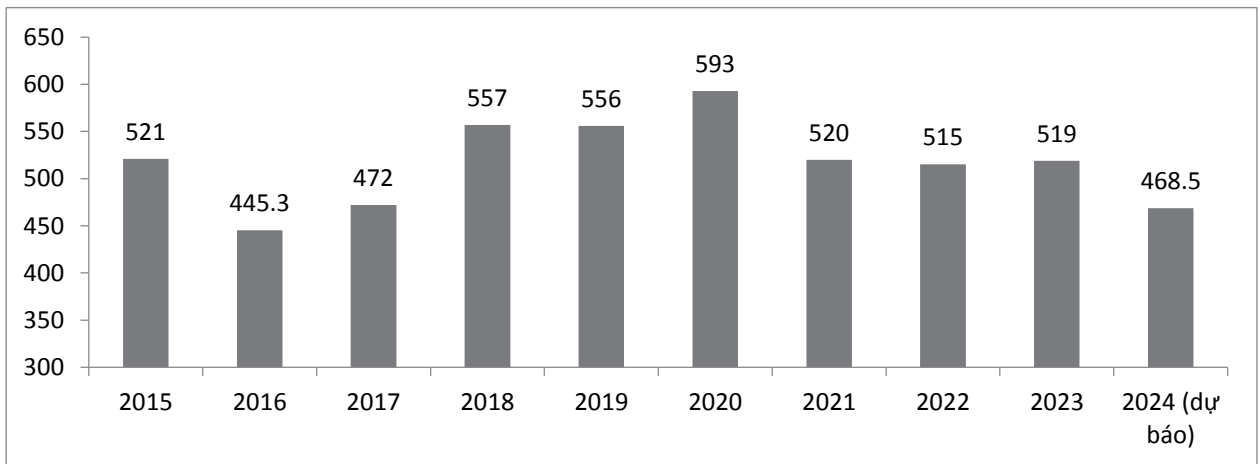


Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nguồn cung hồ tiêu thế giới trong những tháng tới sẽ được bổ sung khi Brazil vào chính vụ thu hoạch tiêu năm 2024 (bắt đầu từ tháng 9/2024). Tuy nhiên, với sản lượng giảm khá mạnh (giảm trên 20%) so với năm 2023 cùng với nguồn cung hạt tiêu của Việt Nam không còn nhiều và giảm mạnh so với cùng kỳ nhiều năm sẽ là những yếu tố giúp giá tiêu trên thị trường thế giới vẫn duy trì ở mức cao, thậm chí có thể tăng trong những tháng cuối năm trong bối cảnh tiêu thụ tiêu ở nhiều nước tăng khi vào mùa lễ hội.

Biểu đồ 8. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm và dự báo năm 2024
(nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp

Với mức thiếu hụt toàn cầu khoảng 60.000 tấn tiêu trong năm 2024 và tình trạng thiếu hụt có thể tiếp tục kéo dài trong năm 2025 và những năm tiếp theo, nhiều dự báo cho rằng giá hạt tiêu sẽ vẫn ở mức cao trong dài hạn.

Đối với Việt Nam, nguồn cung hạt tiêu trong nước hiện đã cạn do vào thời kỳ giáp hạt, sản lượng năm 2024 giảm khá mạnh và khối lượng xuất khẩu trong quý II và nửa đầu quý III/2024 khá cao. Tính đến cuối tháng 8/2024, Việt Nam đã xuất khẩu 183 nghìn tấn hồ tiêu trong tổng số 171.000 tấn sản lượng thu hoạch của cả năm 2024.

Với tồn kho vụ 2023 chuyển sang cộng với lượng nhập khẩu dự kiến cũng sẽ hạn chế do sản lượng tiêu của hai nước cung cấp chính là Brazil và Campuchia cũng sụt giảm mạnh cho thấy nguồn cung hạt tiêu cho xuất khẩu từ tháng 9/2024 cho tới hai tháng đầu năm 2025 sẽ thấp hơn nhiều so với thường kỳ mọi năm.

Ước tính khối lượng hạt tiêu còn lại cho xuất khẩu 4 tháng cuối năm 2024 của Việt Nam chỉ còn khoảng 20 - 25 nghìn tấn, một số cực kỳ hạn chế, ít ỏi. Đây sẽ là yếu tố khiến giá hạt tiêu sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, thậm chí còn tăng.

Về sản lượng tiêu năm 2025, dù giá tiêu tăng khá mạnh trong thời gian qua nhưng sản xuất cây hồ tiêu ở Việt Nam vẫn đang bị cạnh tranh bởi cây sầu riêng và cà phê. Diện

tích trồng mới có ghi nhận nhưng không nhiều, chủ yếu trồng xen hồ tiêu với cà phê với tỷ lệ 6 - 2. Ngoài ra, hạn hán nghiêm trọng trong năm 2023 và những tháng đầu năm 2024 tiếp theo là tình trạng mưa nhiều cũng diễn ra vào giữa tháng 7 đến nay ở các vùng trồng tiêu lớn trên cả nước đã ảnh hưởng rất lớn đến sinh trưởng và phát triển cây tiêu. Mưa nhiều làm cho các vườn tiêu dễ rụng trái, thiếu dinh dưỡng, bị vàng lá, ngập úng, nhiễm sâu bệnh hại.

Với diễn biến này dự báo sản lượng hạt tiêu năm 2025 của Việt Nam có thể chỉ tương đương hoặc tăng nhẹ so với năm 2024, tức chỉ đạt khoảng 170 – 172 nghìn tấn.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG	2
1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu	2
2. Tình hình nhập khẩu	3
II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU	4
III. DIỄN BIẾN GIÁ	9
IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	11
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	13
DANH MỤC BẢNG	13

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)	2
Biểu đồ 2. Nhập khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và nửa đầu năm 2024 (nghìn tấn)	4
Biểu đồ 3. Xuất khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay (ĐVT: tấn).....	4
Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn).....	5
Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 8 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn)	5
Biểu đồ 6. Tỷ trọng chủng loại hạt hồ tiêu xuất khẩu của Việt Nam tính theo lượng trong 8 tháng năm 2024 (%).....	6
Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn)	10
Biểu đồ 8. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm và dự báo năm 2024.....	11

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thị trường cung cấp hạt hồ tiêu cho Việt Nam	3
Bảng 2. Xuất khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 8 và 8 tháng năm 2024	7
Bảng 3. Giá xuất khẩu hạt hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 8 và 8 tháng năm 2024	8